

Bản án số: 69/2024/HNGĐ-ST

Ngày 13-8-2024

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Bà Quàng Thị Hòa.

2 – Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 108/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Quàng Thị M, sinh năm 1984, trú tại: Bản H, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Quàng Văn D, sinh năm 1983, trú tại: Bản H, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Phân trại số 3, đội số 34 thuộc Trại giam Y, huyện P, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2024 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Quàng Thị M trình bày:

Chị và anh Quàng Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 07/5/2001 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sơn La. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh

Quàng Văn D nghiện ma túy sau đó bị bắt đi chấp hành án tại Phân trại số C, đội số 34 thuộc Trại giam Y. Từ đó hai người không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị Quàng Thị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh Quàng Văn D.

Về con chung: Có ba con là Quàng Thị O, sinh ngày 15/02/2002, Quàng Thị X, sinh ngày 06/4/2003 và Quàng Văn K, sinh ngày 08/6/2007. Cháu Quàng Thị O và Quàng Thị X đã trưởng thành, có gia đình riêng nên chị không yêu cầu giải quyết. Chị xin trực tiếp nuôi con Quàng Văn K và không yêu cầu anh Quàng Văn D cấp dưỡng nuôi con cùng.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Quàng Văn D trình bày: Anh xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Quàng Thị M và anh. Anh chị chung sống với nhau từ năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sơn La. Trong quá trình chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, lý do là vì anh sử dụng ma túy. Tuy nhiên hiện nay anh xác định vẫn còn tình cảm với vợ, anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Có ba con là Quàng Thị O, sinh ngày 15/02/2002, Quàng Thị X, sinh ngày 06/4/2003 và Quàng Văn K, sinh ngày 08/6/2007. Cháu Quàng Thị O và Quàng Thị X đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết. Anh xác nhận hiện nay chị Quàng Thị M đang nuôi con, đề nghị Tòa án giải quyết tùy theo nguyện vọng của con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Có căn cứ xử cho chị Quàng Thị M được ly hôn anh Quàng Văn D.

Về con chung: Giao cháu Quàng Văn K, sinh ngày 08/6/2007 cho chị Quàng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Quàng Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Quàng Thị M chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Chị **Quàng Thị M** khởi kiện ly hôn anh **Quàng Văn D** có địa chỉ tại **bản H, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La**. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Nguyên đơn chị **Quàng Thị M** đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, đã nhận được giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh **Quàng Văn D** sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã có bản tự khai trình bày nguyện vọng, anh **Quàng Văn D** đã được tổng đạt các văn bản tố tụng và đã hai lần được triệu tập xét xử hợp lệ có xác nhận của **Trại giam Y**. Căn cứ quy định của Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Quàng Thị M** và anh **Quàng Văn D** kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được **UBND xã M, huyện M, tỉnh Sơn La** cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/5/2001, như vậy hôn nhân giữa chị **Quàng Thị M** và anh **Quàng Văn D** là hôn nhân hợp pháp

Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị **Quàng Thị M** và anh **Quàng Văn D**: Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh **Quàng Văn D** thường xuyên sử dụng ma túy, không quan tâm chăm lo cuộc sống gia đình, tháng 4/2021 anh **Quàng Văn D** bị xử phạt tù chung thân, hiện đang đi chấp hành án. Từ đó hai người không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị **Quàng Thị M** và anh **Quàng Văn D** đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị **Quàng Thị M** yêu cầu được ly hôn, tuy anh **Quàng Văn D** không nhất trí nhưng yêu cầu được ly hôn của chị **Quàng Thị M** là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị **Quàng Thị M** được ly hôn anh **Quàng Văn D**.

[3] Về con chung: Có ba con là **Quàng Thị O**, sinh ngày 15/02/2002, **Quàng Thị X**, sinh ngày 06/4/2003 và **Quàng Văn K**, sinh ngày 08/6/2007. Cháu **Quàng Thị O** và **Quàng Thị X** đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không xem

xét giải quyết. Căn cứ theo đề nghị của chị **Quàng Thị M** và nguyện vọng của cháu **Quàng Văn K** muốn ở với mẹ, cần chấp nhận giao cho chị **Quàng Thị M** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Quàng Văn K**. Anh **Quàng Văn D** không phải cấp dưỡng nuôi con, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, riêng, nợ: Đề không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị **Quàng Thị M** đã được giải thích thủ tục miễn án phí, tuy nhiên chị đề nghị được nộp tiền án phí. Do đó chị **Quàng Thị M** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị **Quàng Thị M** được ly hôn anh **Quàng Văn D**.

2. Về con chung: Giao cho chị **Quàng Thị M** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu **Quàng Văn K**, sinh ngày 08/6/2007 đến khi cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh **Quàng Văn D** không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị **Quàng Thị M**.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, riêng, nợ: Đề không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Quàng Thị M** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001667 ngày 13/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Chị **Quàng Thị M**, anh **Quàng Văn D** được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mường La (2);
- Chi cục THADS huyện Mường La;
- UBND xã Mường Trai, huyện Mường La (đề vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Lê Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

